

Số: **237** /KH-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng 12 năm 2022

### **KẾ HOẠCH**

## **Phát triển sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ dầu Trầu trên địa bàn huyện Hương Hóa và Đakrông, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2026, định hướng đến năm 2030**

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÂY TRẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Cây Trầu là cây gỗ trung bình, đa tác dụng, vừa sinh trưởng nhanh, vừa có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao, có thể đáp ứng được nhu cầu lấy nguyên liệu trong thời gian sớm nhất, sớm tạo thu nhập kinh tế và liên tục cho người trồng. Dầu Trầu là nguyên liệu phục vụ cho các ngành công nghiệp chế biến sơn, véc-ni, mực in, chất làm khô bề mặt, chất bôi trơn, công nghiệp dược phẩm, nhiên liệu sinh học... Khô dầu là nguồn phân bón hoặc làm thức ăn gia súc khi đã khử độc tố và thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Vỏ quả là nguồn nguyên liệu để tách chiết tanin và sản xuất than hoạt tính. Gỗ Trầu màu trắng, mềm thường được bóc làm lớp phủ bề mặt của công nghệ chế biến gỗ dán rất có giá trị. Trầu còn là cây gỗ lá rộng, sinh trưởng nhanh, thân thẳng, tròn đều, tán lá rộng, hệ rễ phát triển sâu và rộng, thích nghi rộng ở nhiều vùng sinh thái và chịu được các điều kiện khắc nghiệt, có tác dụng phòng hộ rất tốt, nên Trầu được ưu tiên lựa chọn trong các chương trình trồng rừng, thích hợp nhất là ở những nơi có điều kiện lập địa khắc nghiệt: độ cao lớn, nhiều gió, mưa nhiều, lượng mưa phân bố không đều, đất cằn, nghèo dinh dưỡng, khô hạn kéo dài. Nên cây Trầu được coi là cây lâm nghiệp đa tác dụng chủ lực, có giá trị kinh tế cao, vừa mang lại nguồn thu nhập nhanh để giúp người dân cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, vừa góp phần vào việc phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đáp ứng yêu cầu phòng hộ của rừng.

Hiện nay, huyện Hương Hóa và Đakrông có khoảng 2.948,8 ha rừng Trầu (2.689,2 ha rừng trồng tập trung và 259,6 ha trồng phân tán), chiếm 1,6% tổng diện tích rừng của 2 huyện, chiếm khoảng 21,3% tổng diện tích gây trồng Trầu trên cả nước (13.850 ha). Phân bố: tập trung trên địa bàn ở 11 xã (Hương Linh 322,2 ha, Hương Phùng 806,1 ha, Hương Sơn 222,7 ha, Hương Tân 597,3 ha, Tân Thành 653,7 ha, Hương Lập 232,6 ha, Húc 63,6 ha, Tân Hợp 0,6 ha và Ba Nang 11,2 ha, A Bung 13,3 ha, A Vao 25,5 ha), trên đất rừng phòng hộ chiếm 83,3% tổng diện tích trồng Trầu của 2 huyện (2456,8 ha) do Ban quản lý Rừng Phòng hộ (RPH) Hương Hóa – Đakrông và Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bắc Hương Hóa trồng, trên đất rừng sản xuất chiếm 16,7% tổng diện tích trồng Trầu của 2 huyện (491,98 ha) do người dân tự trồng. Hầu hết diện tích rừng Trầu được trồng từ giai đoạn những năm 2000-2008, bắt đầu từ xã Hương Tân, Hương Phùng và Tân Thành, sau đó mở rộng sang các xã khác. Từ năm 2010 đến nay,

được trồng bổ sung theo các chương trình trồng rừng hàng năm với diện tích không lớn. Diện tích rừng Trầu ở cấp tuổi 1 (1-4 năm tuổi chưa cho quả) chiếm 1,9% (54,75 ha), cấp tuổi 2 (5-10 năm bắt đầu cho thu hoạch quả) chiếm 36,0% (1.061,2 ha), cấp tuổi 3 (11-15 năm bắt đầu cho thu hoạch quả ổn định) chiếm 8,6% (253,6 ha), cấp tuổi 4 (từ 15 năm trở lên cho năng suất thu hoạch quả cao, ổn định) chiếm 53,6% (1.579,3 ha).

Hoạt động thu hoạch, sơ chế quả Trầu hiện nay diễn ra chủ yếu tự phát, manh mún, thủ công, chưa đúng kỹ thuật, thời vụ nên chất lượng sản phẩm không đồng đều, thấp, đôi khi còn ảnh hưởng đến tính bền vững của rừng và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở chế biến các sản phẩm từ Trầu. Sản phẩm được lưu thông tiêu thụ trên thị trường chủ yếu là hạt Trầu với tổng sản lượng ước khoảng 1.000 tấn/năm. Phần lớn hạt Trầu được sản xuất ra để xuất khẩu sang Trung Quốc.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Tập trung phát triển cây Trầu theo hướng ổn định, lâu dài, hình thành vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa tập trung, quy mô hợp lý gắn với nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ dầu Trầu trên cơ sở khai thác các lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, kinh tế xã hội và thị trường nhằm xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm từ cây Trầu, từ đó nâng cao giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp, góp phần cải thiện đời sống đồng bào vùng cao.

- Đảm bảo thực hiện từng bước, vững chắc, có hiệu quả, mở rộng có kiểm soát trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và nguồn lực từ các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn để xây dựng thành công và bền vững các liên kết chuỗi sản phẩm từ cây Trầu một cách đồng bộ từ khâu quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ, chế biến, bảo quản, sơ chế đến khâu tiêu thụ sản phẩm dầu Trầu, từ đó thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp có tiềm lực, công nghệ, kinh nghiệm tham gia phát triển Trầu theo chuỗi giá trị; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, trong đó có liên kết, hợp tác với nông dân, góp phần phát triển kinh tế của người dân trên địa bàn theo tinh thần Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021, Hội nghị lần thứ 6 BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVII về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp và Nghị quyết số 19-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### **2. Mục tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

- Xây dựng và phát triển cây Trầu trở thành cây trồng lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao, trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện Hướng Hóa và Đakrông gắn với sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, giá trị sản phẩm từ rừng Trầu để người dân trồng rừng có thêm việc làm, tăng thu nhập, ổn định, phấn đấu nâng giá trị sản xuất từ rừng Trầu, góp phần nâng cao độ che phủ của rừng, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Hình thành được vùng nguyên liệu quy mô hàng hoá lớn, phát triển đa dạng hóa các mặt hàng, đồng nhất về quy trình, chất lượng sản phẩm, gắn chặt chẽ chế biến với tiêu thụ và tạo liên kết chuỗi ổn định, bền vững. Trong đó tập trung ưu tiên phát triển Trầu trên điều kiện lập địa đặc thù, khó khăn.

- Hằng năm giải quyết việc làm ổn định, mùa vụ cho người dân của các xã trồng Trầu, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông.

- Đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Hội nghị lần thứ 6 BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVII về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Giai đoạn 2023-2026:**

- Bảo vệ, duy trì ổn định, nâng cao chất lượng 2.948,8 ha rừng Trầu hiện có, phấn đấu đạt năng suất quả từ 3 tấn quả tươi/ha trở lên và giá trị thu nhập từ rừng Trầu tăng từ 20% trở lên so với hiện tại, có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo chức năng phòng hộ của rừng và bền vững. Diện tích rừng Trầu lấy quả có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1.000 ha.

- Chọn được giống cây Trầu có năng suất vượt tối thiểu 15%, chất lượng cao với hàm lượng tinh dầu vượt trội tối thiểu 5% so với đại trà để cung cấp giống chất lượng cao cho trồng rừng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- Diện tích nguồn giống được nâng cấp chất lượng và công nhận để cung cấp cho trồng rừng hàng năm đạt tối thiểu 10 ha rừng giống chuyên hóa và 2 ha vườn giống vô tính.

- Tỷ lệ giống cây Trầu có năng suất, chất lượng cao, có nguồn gốc được kiểm soát đưa vào trồng rừng đạt 50% trở lên, trong đó có tối thiểu 10% cây giống được nhân bằng phương pháp ghép.

- Xây dựng mới 02 vườn ươm nhân giống cây Trầu bằng hạt và ghép, chất lượng cao với quy mô công suất 500.000 cây/năm.

- Ban hành 01 quy trình sản xuất giống Trầu có năng suất, chất lượng cao phục vụ gây trồng, phát triển vùng nguyên liệu ở quy mô tập trung.

- Tối thiểu 50 ha mô hình trồng thử nghiệm Trầu thâm canh có năng suất, chất lượng quả cao ở các điều kiện lập địa phù hợp, được cấp mã số vùng trồng hoặc chứng chỉ chất lượng (chứng chỉ quản lý rừng bền vững) phục vụ truy suất nguồn gốc.

- Trồng mới bình quân khoảng 500 ha/năm, trong đó tỷ lệ giống cây Trầu được tuyển chọn, nâng cao chất lượng và kiểm soát nguồn gốc đạt từ 50% trở lên; có tối thiểu 10% cây giống phục vụ trồng rừng Trầu lấy quả được nhân bằng phương pháp ghép.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung khoảng 5.000 ha, hàng năm cung cấp 2.000 tấn hạt trâu phục vụ cho sơ chế, chế biến và xuất khẩu.

- Hình thành 01 cơ sở sơ chế, chế biến gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế (CoC, BSCI, ISO 9001:2015...), công suất trung bình 500 – 1.000 tấn hạt/năm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm Trâu theo chuỗi liên kết gắn chặt chẽ giữa người sản xuất được hình thành, đi vào hoạt động ổn định và bền vững.

- Tối thiểu 1.000 hộ gia đình tham gia gây trồng và phát triển Trâu được tạo thêm việc làm, tăng thu nhập từ Trâu đạt tối thiểu 15% trong kinh tế hộ gia đình. Hàng năm giải quyết việc làm ổn định theo mùa vụ cho người dân, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo và bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới.

- Nhận thức, kiến thức của người dân về bảo vệ, phát triển bền vững rừng Trâu được nâng cao.

### **b) Đến năm 2030**

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung khoảng 8.320 ha, hàng năm cung cấp 4.000 tấn hạt trâu chất lượng cao, phục vụ cho sơ chế, chế biến và xuất khẩu; mang lại giá trị thu nhập từ rừng Trâu tăng từ 25% trở lên so với hiện tại, có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo chức năng phòng hộ của rừng và bền vững. Diện tích rừng Trâu lấy quả có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt từ 5.000 ha trở lên.

- Tối thiểu 02 giống cây Trâu mới, có năng suất, chất lượng vượt trội được công nhận để đưa vào sản xuất.

- 02 ha vườn lưu trữ giống gốc để cung cấp vật liệu phục vụ cho nhân giống vô tính cây trâu được xây dựng.

- Tỷ lệ giống cây Trâu có năng suất, chất lượng cao, có nguồn gốc được kiểm soát đưa vào trồng rừng đạt 70% trở lên, trong đó có tối thiểu 30% cây giống được nhân bằng phương pháp ghép.

- 02 cơ sở/nhà máy sơ chế và chế biến sâu các sản phẩm từ Trâu sơ chế, chế biến gắn với vùng nguyên liệu theo hướng hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế (CoC, BSCI, ISO 9001:2015...), công suất trung bình 500 – 1.000 tấn hạt/năm. Các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, mang thương hiệu quốc gia, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Hệ thống lưu thông, tiêu thụ sản phẩm Trâu theo chuỗi liên kết gắn chặt chẽ giữa người sản xuất với các cơ sở thu gom, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm từ cây Trâu có chất lượng cao mà nòng cốt là hợp tác xã trực tiếp với các đối tác nước ngoài đi vào hoạt động ổn định và bền vững.

- Tối thiểu 2.000 hộ gia đình tham gia gây trồng và phát triển Trâu. Hàng năm giải quyết việc làm ổn định theo mùa vụ cho người dân của các xã tham gia gây trồng, thu hoạch Trâu, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của địa phương.

- Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm từ cây Trầu trong và ngoài nước; hình thành nét văn hóa đặc trưng của các dân tộc về cây Trầu gắn với phát triển du lịch sinh thái địa phương.

### III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

#### 1. Rà soát, định hướng, quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung

- Rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp quản lý, tác động phù hợp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và sử dụng bền vững cho từng vùng gây trồng Trầu hiện có thuộc các Ban quản lý RPH, Ban quản lý KBTTN, của các tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân gồm:

- + Rừng Trầu thuộc BQL RPH Hướng Hóa – Đakrông.
- + Rừng Trầu thuộc BQL KBTTN Bắc Hướng Hóa.
- + Rừng Trầu thuộc Ủy ban nhân dân các xã quản lý.
- + Rừng Trầu thuộc các doanh nghiệp quản lý (Đoàn Kinh tế quốc phòng, Công ty Điện gió...).
- + Rừng Trầu do các hộ gia đình gây trồng.
- + Rừng Trầu được Cộng đồng, hộ gia đình nhận khoán BVR do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh giao khoán.

- Xây dựng quy hoạch vùng trồng mới cung cấp nguyên liệu tập trung phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ tại 10 xã thuộc 2 huyện: Hướng Hóa và Đakrông với tổng diện tích quy hoạch ổn định vùng trồng Trầu là 5.371 ha trên đối tượng đất có đai cao từ 600 m trở lên; đất quy hoạch lâm nghiệp, vườn hộ, tầng đất mỏng, nghèo dinh dưỡng, khô cằn, nhiều đá lẫn không thích hợp và hoặc cho hiệu quả kinh tế thấp khi trồng các loài cây lâm nghiệp khác. Trong đó, ưu tiên vùng nguyên liệu phục vụ cho các doanh nghiệp chế biến trên địa bàn theo phương châm “vùng sản xuất nguyên liệu được Doanh nghiệp bảo trợ, đặt hàng”. Trong đó:

+ Tại huyện Hướng Hóa là 4.113 ha, gồm 142,5 ha đất đang có rừng sản xuất sau khi khai thác sẽ trồng Trầu; 3.132,5 ha đất trống quy hoạch rừng sản xuất; 1.476 ha đất quy hoạch rừng sản xuất có cây gỗ tái sinh và 617 ha đất khác, phân bố tại các xã: Hướng Việt, Hướng Lập, Hướng Linh, Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Tân và Tân Thành.

+ Tại huyện Đakrông là 1.258 ha, chủ yếu là đất trống quy hoạch rừng sản xuất và đất khác, phân bố tại các xã: A Bung, A Vao, Ba Nang, Tà Rụt.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hiện trạng rừng Trầu tại Hướng Hóa và Đakrông làm cơ sở phục vụ quản lý vùng trồng bền vững. Kế hoạch tổng thể được cập nhật hàng năm để phản ánh quá trình phát triển của vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của thị trường.

#### 2. Phát triển sản xuất giống Trầu có năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng thâm canh tập trung cung cấp nguyên liệu

Phát triển sản xuất giống Trầu có năng suất, chất lượng cao bao gồm các nội dung: (i) nghiên cứu chọn tạo giống; (ii) thiết lập nguồn giống (rừng giống, vườn

giống); (iii) xây dựng vườn ươm để cung cấp nguồn cung ứng giống cây trồng có chất lượng tốt, năng suất cao cho trồng rừng; (iv) hoàn thiện quy trình sản xuất giống; (v) quản lý giống cây trồng. Một số nội dung cụ thể sau:

- Nghiên cứu, chọn tạo giống Trầu có năng suất, chất lượng cao, đảm bảo đưa cây Trầu trở thành cây có giá trị kinh tế cao của tỉnh, bao gồm những nội dung sau:

+ Thu thập các xuất xứ của giống nội địa, tiến hành chọn, khảo nghiệm giống để xác định các giống phù hợp, có năng suất chất lượng cao.

+ Nghiên cứu chọn tạo giống mới cùng với hoàn thiện kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng bằng công nghệ cao để có rừng Trầu đạt năng suất vượt tối thiểu 15%, chất lượng cao với hàm lượng tinh dầu vượt trội tối thiểu 5% so với đại trà, phục vụ gây trồng, phát triển vùng nguyên liệu ở quy mô sản xuất hàng hóa.

- Thiết lập nguồn giống bao gồm:

+ Xây dựng rừng giống chuyển hóa Trầu nhằm cung cấp vật liệu cho nhân giống phục vụ trồng rừng Trầu trong giai đoạn trước mắt.

+ Xây dựng vườn giống vô tính cây Trầu nhằm cung cấp vật liệu cho nhân giống vô tính phục vụ trồng rừng Trầu trong tương lai.

+ Xây dựng vườn lưu trữ giống gốc vừa phục vụ nghiên cứu chọn tạo vừa cung cấp vật liệu cho nhân giống, phát triển giống.

- Hỗ trợ, xây dựng vườn ươm:

+ Trước mắt: hỗ trợ xây dựng 02 vườn ươm nhân giống Trầu bằng hạt và ghép chất lượng cao với quy mô công suất 500.000 cây/năm, cung cấp đủ 50% nhu cầu giống chất lượng tốt hàng năm cho trồng rừng thâm canh tập trung cung cấp nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

+ Về lâu dài: khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, hình thành các cơ sở sản xuất giống hiện đại tại các địa phương.

- Quản lý giống cây trồng: xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát nguồn gốc giống Trầu theo quy định hiện hành. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nguồn gốc và chất lượng giống Trầu cung cấp cho sản xuất.

### **3. Phát triển vùng nguyên liệu Trầu tập trung**

- Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện kỹ thuật gây trồng thâm canh Trầu. Khuyến khích trồng phân tán quanh nhà, ven đường... kể cả ở vùng đất bằng. Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện kỹ thuật cải tạo rừng Trầu có năng suất thấp, chú ý đến mục đích kinh doanh để đề xuất phương pháp cải tạo hợp lý.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình gây trồng thâm canh Trầu lấy quả cung cấp nguyên liệu tập trung theo các tiêu chí phát triển rừng bền vững để tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất khẩu (có chứng chỉ quản lý rừng bền vững).

- Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến, chiết xuất dầu Trầu quy mô nhỏ (dưới 100 tấn/năm), vừa (500-1.000 tấn/năm); thử nghiệm chế biến các sản phẩm từ dầu Trầu. Ngoài ra, nghiên cứu,

thử nghiệm và hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm từ phế thải Trầu (như khử độc tố trong bã hạt làm thức ăn gia súc, sử dụng vỏ làm phân bón hoặc than hoạt tính...).

- Tập huấn kỹ thuật gây trồng thâm canh, thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản sản phẩm từ Trầu. Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích trong nhận khoán bảo vệ rừng Trầu do BQL RPH Hướng Hóa – Đakrông và BQL KBTTN Bắc Hướng Hóa quản lý đảm bảo hiệu quả và bền vững.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, phát triển bền vững rừng Trầu dựa trên cơ sở cộng đồng. Khuyến khích phát triển trồng rừng Trầu tại các địa điểm: các loại đất chưa sử dụng, đất sản xuất nông lâm nghiệp kém hiệu quả, đất không trồng được các cây nông lâm nghiệp khác, diện tích đất dọc theo lưu vực sông, suối, vùng đất thường bị xói lở, rửa trôi, vùng xung yếu, ven đường thuộc quyền quản lý của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

#### **4. Thúc đẩy chế biến, kinh doanh các sản phẩm Trầu bền vững theo chuỗi liên kết**

- Hỗ trợ và thúc đẩy việc áp dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong thu hoạch, sơ chế, chế biến hạt Trầu để tăng cường chất lượng sản phẩm.

- Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ cây Trầu ở những nơi có đủ điều kiện, người sản xuất tự nguyện và có nhu cầu, nhất là các xã có vùng nguyên liệu Trầu tập trung lớn. Trước mắt, tập trung thành lập các tổ hợp tác chuyên sản xuất, thu hoạch, sơ chế và chế biến Trầu ở vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn.

- Khuyến khích, đẩy mạnh, hỗ trợ các cộng đồng, tổ hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở chế biến dầu Trầu quy mô nhỏ (công suất dưới 100 tấn dầu thô/năm) và doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến vừa (công suất 500 – 1.000 tấn dầu thô/năm) gắn với vùng nguyên liệu theo hướng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ cao vào sản xuất. Đồng thời khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp lớn đầu tư các nhà máy chế biến tinh dầu với công nghệ hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế (CoC, BSCI, ISO 9001:2015...), công suất trung bình 500 – 1.000 tấn hạt/năm để tạo bước đột phá về sự đa dạng hóa các sản phẩm từ cây Trầu, có thương hiệu, uy tín, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường, phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu gắn với du lịch sinh thái nhằm khai thác các tiềm năng sẵn có tại mỗi địa phương.

- Hỗ trợ hình thành hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm Trầu theo chuỗi liên kết gắn chặt chẽ giữa người sản xuất được hình thành, đi vào hoạt động ổn định và bền vững. Ưu tiên hỗ trợ đối tượng, tác nhân trong chuỗi liên kết, chuỗi giá trị là các tổ hợp tác, HTX, người thu gom, các đại lý có ký cam kết để tạo thành chuỗi giá trị khép kín, lâu dài, ổn định và bền vững. Đẩy mạnh các hình thức liên kết giữa tổ hợp tác, HTX và doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP về khuyến khích hỗ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Bình quân mỗi năm có 02-03 đơn vị được hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản

phẩm theo chuỗi giá trị Trầu. Trước mắt, tập trung hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi sản xuất, chế biến gắn với lưu thông tiêu thụ nguyên liệu thô để tạo thị trường cạnh tranh, minh bạch và ổn định.

- Tổ chức và hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX tiếp cận, nghiên cứu, khảo sát thị trường. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm, quảng bá, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước giúp tìm kiếm thị trường. Đẩy mạnh hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX ứng dụng thương mại điện tử, tham gia chương trình giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm thông qua các sàn giao dịch điện tử, mạng internet, các ứng dụng bán hàng trực tuyến...

- Tư vấn hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm Trầu, đăng ký bảo hộ sản phẩm.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương với các BQL, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình trên địa bàn tổ chức sản xuất và thu mua Trầu, đảm bảo các sản phẩm Trầu được sản xuất ra đều có doanh nghiệp đặt hàng.

- Hỗ trợ các tác nhân tham gia liên chuỗi các nội dung liên quan đến hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến và tăng cường hỗ trợ đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm về chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng 4.0. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vùng nguyên liệu Trầu gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ và thông thoáng khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào phát triển giống, trồng, thu hoạch và chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây Trầu bền vững.

#### **IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

##### **1. Về đất đai**

- Đất quy hoạch trồng Trầu chủ yếu là đất thuộc quản lý của các cá nhân, hộ gia đình và Ban quản lý rừng. Khuyến khích người dân chuyển đổi diện tích cây trồng hiệu quả thấp sang trồng cây Trầu. Việc chuyển đổi trồng cây Trầu thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

- Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa nhà đầu tư và người dân có đất.

- Đối với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến dầu Trầu được xem xét bố trí trong các khu công nghiệp hoặc khu vực do doanh nghiệp đề nghị phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

##### **2. Về chính sách**

Có cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển để nâng cao chất lượng và giá trị cho sản phẩm Trầu (bao gồm hỗ trợ đầu tư thông qua hỗ trợ giống, vật tư; vốn vay ưu đãi cho mọi tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động gây trồng và chế biến các sản phẩm từ cây Trầu; tạo điều kiện đất đai để đầu tư các nhà máy chế biến, giảm thuế, khoanh vùng nguyên liệu...). Xây dựng khung chính sách, chế tài cần thiết để quản lý hoạt động của các cơ sở chế biến dầu, chế biến thành phẩm. Hỗ trợ nông dân tiếp cận các thông tin



thị trường, công tác xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm, các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm (đặc biệt xây dựng thương hiệu sản phẩm Trầu) và xây dựng chính sách tái đầu tư vùng nguyên liệu và liên kết bao tiêu sản phẩm trực tiếp cho người dân. Thu hút các Công ty đầu tư Nhà máy chế biến dầu Trầu, chế biến ổn định, thu mua tiêu thụ sản phẩm Trầu ổn định.

- Thực hiện chính sách ưu đãi về vốn vay và thuế cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào trồng rừng và phát triển lâm nghiệp.

### **3. Về đầu tư**

- Vốn đầu tư chọn tạo, phát triển giống, trồng và bảo vệ rừng Trầu được hỗ trợ theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030.

- Đầu tư cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối vùng sản xuất; hệ thống lưới điện đến khu sản xuất; hệ thống nhà thu gom, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm tại các vùng quy hoạch để tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu).

### **4. Về khoa học công nghệ**

- Đầu tư Chương trình nghiên cứu phát triển sản phẩm Trầu theo chuỗi giá trị, mang tính lâu dài. Đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng công nghệ sinh học để tạo ra nguồn giống Trầu có năng suất quả và hàm lượng dầu cao.

- Có chính sách khuyến khích các nhà khoa học, các tổ chức khoa học và các doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu khoa học về phát triển trồng và sơ chế, chế biến các sản phẩm từ Trầu.

- Xây dựng các dự án, mô hình khảo nghiệm, chọn tạo các giống Trầu phù hợp với điều kiện sinh thái để phục vụ sản xuất.

- Xây dựng dự án khuyến nông về cây Trầu thực hiện trong giai đoạn 2023 – 2026 và giai đoạn 2027-2030. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, cung ứng giống cây Trầu có năng suất, chất lượng cao đáp ứng được cho nhu cầu phát triển cây Trầu.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất giống bằng nhân giống sinh dưỡng, hệ thống vườn ươm để đảm bảo nhân nhanh các giống cây Trầu có năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của sản xuất.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất giống cây Trầu trên địa bàn.

- Áp dụng và thực hiện chặt chẽ các quy trình kỹ thuật hiện tại về kỹ thuật gây trồng, chăm sóc Trầu. Áp dụng tối thiểu 30% diện tích Trầu được trồng rừng theo phương thức thâm canh tăng năng suất trên nền tảng các yếu tố kỹ thuật đã

được xác định từ các công trình nghiên cứu khoa học, kết hợp kinh nghiệm thực tiễn. Hàng năm triển khai xây dựng các mô hình sản xuất và phát triển Trầu ứng dụng công nghệ tiên tiến để nhân dân học tập làm theo.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản các sản phẩm Trầu để nâng cao giá trị của sản phẩm Trầu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến đầu Trầu, đổi mới công nghệ trong chế biến các sản phẩm từ cây Trầu.

- Tham quan, học tập các mô hình tiên tiến trên cả nước.

- Từng bước xây dựng thương hiệu Trầu Quảng Trị cũng như tiến tới xây dựng chứng chỉ chất lượng cho Trầu Quảng Trị.

### 5. Nguồn nhân lực

Sử dụng nguồn lao động tại chỗ vào trồng, sản xuất Trầu; Mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng, áp dụng các quy trình kỹ thuật, những tiến bộ khoa học kỹ thuật cho lao động vào sản xuất gây trồng, thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản để duy trì và nâng cao sản suất, chất lượng sản phẩm: xây dựng mô hình, phát tài liệu, thông tin tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2023-2026 dự kiến: 16.260 triệu đồng (*Mười sáu tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Trong đó:

### 1. Nguồn vốn triển khai thực hiện

**a) Kinh phí ngân sách, các chương trình, dự án: 13.530 triệu đồng** (*Mười ba tỷ, năm trăm ba mươi triệu đồng*). Cụ thể như sau:

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ 2021 đến 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ ngân sách trung ương (3 Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác), ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- + Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 3.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- + Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- + Chương trình sự nghiệp phát triển kinh tế: 1.360 triệu đồng (sự nghiệp ngân sách tỉnh).

- Nguồn vốn từ Quyết định 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu

lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030; nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ; nguồn vốn các chương trình, dự án: 7.170 triệu đồng.

**b) Nguồn vốn huy động: 2.730 triệu đồng** (Hai tỷ, bảy trăm ba mươi triệu đồng). Huy động từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ dân liên kết với các hợp tác xã, các địa phương, tổ chức tín dụng và các nguồn hợp pháp khác.

**c) Phân kỳ thực hiện**

- + Năm 2023: 4.290 triệu đồng.
- + Năm 2024: 3.890 triệu đồng.
- + Năm 2025: 2.620 triệu đồng.
- + Năm 2026: 4.180 triệu đồng.
- + Năm 2027- 2030: 1.280 triệu đồng.

(Có Phụ lục 1,2 chi tiết kèm theo)

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Công bố rộng rãi Kế hoạch phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ, chế biến dầu Trầu trên địa bàn 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2026, định hướng đến năm 2030 để các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, nhân dân trong tỉnh được biết để thực hiện, đồng thời thu hút sự đầu tư của các tổ chức, đơn vị trong nước và nước ngoài vào việc phát triển vùng nguyên liệu Trầu.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện Hướng Hóa và Đakrông triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của kế hoạch và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Hàng năm căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì, tổng hợp nhu cầu của UBND các huyện Hướng Hóa và Đakrông xây dựng chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (trong đó có khối lượng trồng Trầu) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức việc kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của các địa phương, chủ rừng được giao thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Hướng Hóa và Đakrông kiểm tra, các nhận nguồn giống, chất lượng, số lượng giống cây trước khi xuất vườn để trồng rừng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị, chủ rừng lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán đầu tư các hạng mục đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán đầu tư theo quy định hiện hành. Hướng dẫn các chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Phối hợp với các địa phương hướng dẫn thành lập mới các HTX, tổ hợp tác; xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống; mô hình trồng thâm canh; mô hình sơ chế chế biến; mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ Trái theo chuỗi.

- Xây dựng nhu cầu kinh phí hàng năm và cả giai đoạn gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt thực hiện.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan cân đối kế hoạch vốn hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch. Phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách, nội dung hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ quản lý.

**3. Sở Tài chính:** Căn cứ Kế hoạch và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lồng ghép kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác, trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

**4. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất đai để sản xuất kinh doanh cây Trái theo quy định, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

#### **5. Sở Công Thương:**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Đakrông và Hướng Hóa mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm Trái.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tích cực mời gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sơ chế, chế biến dầu Trái và tham gia xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm Trái.

**6. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện Đakrông và Hướng Hóa nghiên cứu chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ nâng cao giá trị của chuỗi Trái.

**7. Ban Dân tộc tỉnh:** Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, ưu tiên phân bổ nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số để hỗ trợ các nội dung của Kế hoạch cho đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình.

**8. Các sở, ngành liên quan:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung về của Kế hoạch; chỉ đạo các cấp hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện.

## 10. Ủy ban nhân dân huyện Đakrông và Hướng Hóa

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, các đơn vị liên quan và các chủ rừng thuộc phạm vi quản lý, triển khai thực hiện, quản lý chặt chẽ có hiệu quả Kế hoạch được giao và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị, chủ rừng được giao thực hiện xây dựng chi tiết kế hoạch tổ chức sản trên cơ sở Kế hoạch này.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, chất lượng và nguồn gốc lô giống đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây Trâu trên địa bàn.

- Đôn đốc các đơn vị, chủ rừng được giao chỉ tiêu kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm thực hiện nghiêm chỉnh quy trình kỹ thuật lâm sinh, kế hoạch sản xuất, đảm bảo thực hiện đúng thời vụ, chất lượng rừng theo quy định và phải hoàn thành kế hoạch được giao đúng tiến độ đề ra.

**11. Các tổ chức trong nước và quốc tế có liên quan:** Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để tổ chức lồng ghép các hoạt động và bố trí nguồn lực hỗ trợ thúc đẩy và phát triển chuỗi giá trị trâu theo định hướng và mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch phát triển sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ đầu Trâu trên địa bàn huyện Hướng Hóa và Đakrông, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2026, định hướng đến năm 2030. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc tổng hợp kịp thời trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

### Nơi nhận:

- CT, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- BQLDA VFBC Quảng Trị;
- UBND huyện: Hướng Hóa, Đakrông;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT<sub>ph</sub>. *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GÀN VỚI CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ DẦU TRẦU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯỚNG HÓA VÀ ĐÀKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2023-2026, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: **237** KH-UBND ngày **30** /12/2022 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp	Nguồn khác (dự án)
<b>I</b>	<b>Rà soát, quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung</b>			<b>1.820</b>	<b>460</b>	<b>1.360</b>		
1	Rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp quản lý	ha	2.948	750	310	440		
2	Quy hoạch vùng trồng mới	ha	5.372	920		920		
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu	Hệ thống	1	150	150	0		
<b>II</b>	<b>Phát triển sản xuất giống Trầu</b>			<b>3.820</b>	<b>3.820</b>	<b>0</b>		
1	Nghiên cứu, chọn tạo giống Trầu có năng suất, chất lượng cao	Đề tài	1	1.500	1.500	0		
2	Thiết lập nguồn giống			0				
	Xây dựng rừng giống chuyên hóa	ha	10	550	550			
	Xây dựng vườn giống vô tính	ha	2	850	850			
	Xây dựng vườn lưu trữ giống gốc	ha	2	520	520			
3	Hỗ trợ, xây dựng vườn ươm	Vườn	2	300	300			
4	Quản lý giống cây trồng			100	100			
<b>III</b>	<b>Phát triển vùng nguyên liệu</b>			<b>4.230</b>	<b>690</b>	<b>0</b>	<b>280</b>	<b>3.260</b>

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp	Nguồn khác (dự án)
1	Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện kỹ thuật gây trồng thâm canh Trầu			0				
	Xây dựng mô hình	Ha	5	400	160		80	160
	Quy trình kỹ thuật	Quy trình	1	200				200
2	Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện kỹ thuật cải tạo rừng Trầu có năng suất thấp			0				
	Xây dựng mô hình	Ha	10	550	220		110	220
	Quy trình kỹ thuật	Quy trình	1	200				200
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình gây trồng thâm canh Trầu lấy quả theo các tiêu chí phát triển rừng bền vững	Ha	5	450	180		90	180
4	Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng	Ha	1.000	1.500				1.500
5	Tập huấn kỹ thuật	Lớp	8	400				400
6	Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích trong nhận khoán bảo vệ rừng Trầu	Cơ chế		0				
	Xây dựng mô hình	Mô hình	5	250				250
	Quy định cơ chế chia sẻ	Quy định	1	150				150
7	Quản lý			130	130			

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp	Nguồn khác (dự án)
<b>IV</b>	Thúc đẩy chế biến, kinh doanh các sản phẩm Trầu bền vững theo chuỗi liên kết			<b>6.390</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>2.450</b>	<b>3.910</b>
1	Nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến, chiết xuất dầu Trầu			0				
	Xây dựng mô hình	Mô hình	2	3.000			2.100	900
	Hoàn thiện công nghệ	Quy trình	1	200				200
2	Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ tiên tiến			0				
	Hội thảo	Hội thảo	2	100				100
	Tập huấn	Lớp	6	480				480
3	Hỗ trợ thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) sản xuất	Tổ/ HTX	18	800				800
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình/cơ sở chế biến dầu Trầu quy mô nhỏ	Mô hình	2	500			350	150
5	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm	Hệ thống	2	200				200
6	Hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX tiếp cận, nghiên cứu, khảo sát thị trường	Chuyến đi	5	150				150
7	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu			0				
	Xây dựng chỉ dẫn địa lý	Chứng	1	120				120



TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Doanh nghiệp	Nguồn khác (dự án)
		nhận						
	Đăng ký bảo hộ giống	Giống	1	80				80
	Đăng ký sản phẩm	Sản phẩm	2	60	30			30
11	Tăng cường liên kết trong chuỗi	Chuỗi	1	200				200
12	Hỗ trợ chuyển đổi số	Mô hình	2	200				200
13	Xây dựng cơ chế chính sách	Chính sách	1	200				200
14	Thành lập Hội sản xuất, kinh doanh Trầu và LSNG tỉnh Quảng Trị	Hội thảo	2	100				100
<b>Tổng</b>				<b>16.260</b>	<b>5.000</b>	<b>1.360</b>	<b>2.730</b>	<b>7.170</b>

*Dự toán chi tiết triển khai thực hiện các hạng mục theo thực tế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định./.*



**PHỤ LỤC 2**  
**TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**  
(Kèm theo Kế hoạch số **137** /KH-UBND ngày **30** /12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng cộng	Trong đó				
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027-2030
	<b>Tổng</b>	<b>16.260</b>	<b>4.290</b>	<b>3.890</b>	<b>2.620</b>	<b>4.180</b>	<b>1.280</b>
<b>I</b>	<b>Rà soát, quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu tập trung</b>	<b>1.820</b>	<b>1.820</b>				
1	Rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp quản lý, tác động	750	750				
2	Quy hoạch vùng trồng mới	920	920				
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu	150	150				
<b>II</b>	<b>Phát triển sản xuất giống Trầu</b>	<b>3.820</b>	<b>1.320</b>	<b>1.020</b>	<b>470</b>	<b>320</b>	<b>690</b>
1	Nghiên cứu, chọn tạo giống Trầu có năng suất, chất lượng cao	1.500	400	600	200	200	100
2	Thiết lập nguồn giống						
	Xây dựng rừng giống chuyên hóa	550	550				
	Xây dựng vườn giống vô tính	850	350	250	100	100	50
	Xây dựng vườn lưu trữ giống gốc	520					520
3	Hỗ trợ, xây dựng vườn ươm	300		150	150		
4	Quản lý giống cây trồng	100	20	20	20	20	20
<b>III</b>	<b>Phát triển vùng nguyên liệu</b>	<b>4.230</b>	<b>660</b>	<b>540</b>	<b>1.430</b>	<b>1.280</b>	<b>320</b>
1	Mô hình thâm canh						
	Xây dựng mô hình	400	80	160	50	50	60
	Quy trình kỹ thuật	200				200	
2	Mô hình cải tạo						
	Xây dựng mô hình	550	250	60	60	60	120
	Quy trình kỹ thuật	200				200	
3	Mô hình QLRBV	450		150	150	100	50
4	Cấp chứng chỉ QLRBV	1500			1000	500	
5	Tập huấn kỹ thuật	400	100	100	100	100	

TT	Nội dung hỗ trợ	Tổng cộng	Trong đó				
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027-2030
6	Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích trong nhận khoán bảo vệ rừng Trầu						
	Xây dựng mô hình	250	50	50	50	50	50
	Quy định cơ chế chia sẻ	150	150				
	Quản lý	130	30	20	20	20	40
<b>IV</b>	<b>Thúc đẩy chế biến, kinh doanh</b>	<b>6.390</b>	<b>490</b>	<b>2.330</b>	<b>720</b>	<b>2.580</b>	<b>270</b>
1	Mô hình chế biến						
	Xây dựng mô hình	3.000		1500		1500	
	Hoàn thiện công nghệ	200				200	
2	Chuyên giao						
	Hội thảo	100		50		50	
	Tập huấn	480	160		160		160
3	Hỗ trợ thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) sản xuất	800	100	200	300	200	
4	Mô hình chế biến quy mô nhỏ	500		250		250	
5	Hệ thống thu gom	200	100	100			
6	Hỗ trợ các tổ hợp tác, HTX khảo sát thị trường	150	30	30	30	30	30
7	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu						
	Xây dựng chỉ dẫn địa lý	120				120	
	Đăng ký bảo hộ giống	80					80
	Đăng ký sản phẩm	60			30	30	
11	Tăng cường liên kết trong chuỗi	200	100		100		
12	Hỗ trợ chuyển đổi số	200		100	100		
13	Xây dựng cơ chế chính sách	200				200	
14	Thành lập Hội sản xuất, kinh doanh Trầu và LSNG tỉnh Quảng Trị	100		100			

*Dự toán chi tiết triển khai thực hiện các hạng mục theo thực tế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định./.*

**PHỤ LỤC 3**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG TRÁU HIỆN CÓ TẠI HUYỆN HƯỚNG HÓA**  
**VÀ ĐAKRÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Kế hoạch số: **237** /KH-UBND ngày **30** /12/2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương		Diện tích (ha)		
	Huyện	Xã	Tổng	Tập trung	Phân tán
1	Hướng Hóa	Hướng Linh	322,2	321,2	1,0
2	Hướng Hóa	Hướng Phùng	806,1	796,9	9,1
3	Hướng Hóa	Hướng Sơn	222,7	126,5	96,2
4	Hướng Hóa	Hướng Tân	597,3	558,5	38,8
5	Hướng Hóa	Tân Thành	653,7	653,7	
6	Hướng Hóa	Hướng Lập	232,6	232,4	0,2
7	Hướng Hóa	Húc	63,6		63,6
8	Hướng Hóa	Tân Hợp	0,6		0,6
9	Đakrông	Ba Nang	11,2		11,2
10	Đakrông	A Bung	13,3		13,3
11	Đakrông	A Vao	25,5		25,5
	<b>Tổng</b>		<b>2.948,8</b>	<b>2.689,2</b>	<b>259,6</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG TRÁU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯỚNG HÓA VÀ ĐAKRÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2023-2026, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: **237** /KH-UBND ngày **30** /12/2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương		Diện tích (ha)		
	Huyện	Xã	Tổng	Hiện có	Trồng mới
1	Hướng Hóa	Hướng Linh	1.226,2	322,2	904,0
2	Hướng Hóa	Hướng Phùng	1.906,1	806,1	1.100,0
3	Hướng Hóa	Hướng Sơn	612,7	222,7	390,0
4	Hướng Hóa	Hướng Tân	797,3	597,3	200,0
5	Hướng Hóa	Tân Thành	682,7	653,7	29,0
6	Hướng Hóa	Hướng Lập	1.232,6	232,6	1.000,0
7	Hướng Hóa	Hướng Việt	490,0		490,0
8	Hướng Hóa	Húc	63,6	63,6	
9	Hướng Hóa	Tân Hợp	0,6	0,6	
10	Đakrông	Ba Nang	419,4	11,2	408,2
11	Đakrông	A Bung	491,3	13,3	478,0
12	Đakrông	A Vao	315,5	25,5	290,0
13	Đakrông	Tà Rụt	82,0		82,0
<b>Tổng cộng</b>			<b>8.320,0</b>	<b>2.948,8</b>	<b>5.371,2</b>

**PHỤ LỤC 5**  
**PHÂN KỲ DIỆN TÍCH TRỒNG MỚI TRÁU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯỚNG HÓA VÀ ĐAKRÔNG TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2023-2026, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: **237** /KH-UBND ngày **30** /12/2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương		Giai đoạn 2023-2026					Giai đoạn 2027-2030
	Huyện	Xã	Tổng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	
1	Hướng Hóa	Hướng Linh	380,0	25,0	115,0	120,0	120,0	524,0
2	Hướng Hóa	Hướng Phùng	415,0	65,0	100,0	100,0	150,0	685,0
3	Hướng Hóa	Hướng Sơn	200,0	50,0	50,0	50,0	50,0	190,0
4	Hướng Hóa	Hướng Tân	26,0	5,0	5,0	8,0	8,0	174,0
5	Hướng Hóa	Tân Thành	29,0	5,0	5,0	10,0	9,0	
6	Hướng Hóa	Hướng Lập	200,0	50,0	50,0	50,0	50,0	800,0
7	Hướng Hóa	Hướng Việt	162,0	40,0	40,0	40,0	42,0	328,0
8	Đakrông	Ba Nang	200,0	50,0	50,0	50,0	50,0	208,2
9	Đakrông	A Bung	240,0	60,0	60,0	60,0	60,0	238,0
10	Đakrông	A Vao	160,0	40,0	40,0	40,0	40,0	130,0
11	Đakrông	Tà Rụt	40,0	10,0	10,0	10,0	10,0	42,0
	<b>Tổng</b>		<b>2.052,0</b>	<b>400,0</b>	<b>525,0</b>	<b>538,0</b>	<b>589,0</b>	<b>3.319,2</b>